

Số: /2018/NQ-HĐND
“Dự thảo”

Bắc Giang, ngày tháng năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, quy định chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 – 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018;
Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14, quy định chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 - 2018, như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2021.

(Có danh sách kèm theo)

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng các công trình giao thông (ngầm, đường tránh lũ, khắc phục sạt lở, trơn trượt), công trình thủy lợi (hồ, đập, trạm bơm).

3. Kinh phí hỗ trợ: 54 tỷ đồng từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh.

- Định mức phân bổ: 18 tỷ đồng/năm;

- Mức hỗ trợ: 1,5 tỷ đồng/thôn, bản (03 năm).

4. Thời gian hỗ trợ: Từ 01/01/2019 đến 31/12/2021.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2021.

Điều 3. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua./.

*** Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc Hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- + LĐVP;
- + Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

**DANH SÁCH 36 THÔN, BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NHẤT
TỈNH BẮC GIANG, GIAI ĐOẠN 2019-2021**

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày / /2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVIII, kỳ họp thứ 5)

TT	Huyện	Xã		Thôn, bản	
		TT	Tên xã	TT	Tên thôn/bản
I	HUYỆN SƠN ĐỒNG <i>(12 xã - 14 thôn/bản)</i>	1	Xã Phúc Thắng	1	Thôn Đồng Mương
		2	Xã Giáo Liêm	2	Thôn Rèm
		3	Xã Dương Hưu	3	Bản Mùng
				4	Thôn Đồng Làng
		4	Xã Cẩm Đàn	5	Thôn Rộc Nậy
		5	Xã An Lạc	6	Thôn Biêng
				7	Thôn Thác
		6	Xã Vĩnh Khương	8	Thôn Luông
		7	Xã Tuấn Mậu	9	Thôn Thanh Chung
		8	Xã Bồng Am	10	Thôn Nam Bồng
		9	Xã Hữu Sản	11	Thôn Dân 3
		10	Xã An Bá	12	Thôn Đồng Tàn
11	Xã Thanh Luận	13	Thôn Gà		
12	Xã Chiên Sơn	14	Thôn Đồng Bang		
II	HUYỆN LỤC NGẠN <i>(08 xã - 10 thôn)</i>	13	Xã Sa Lý	15	Thôn Rãng Ngoài
		14	Xã Tân Sơn	16	Thôn Khuân Tô
				17	Thôn Khuôn Kén
		15	Xã Sơn Hải	18	Thôn Đồng Mậm
				19	Thôn Cỏ Vải
		16	Xã Phong Vân	20	Thôn Chả
		17	Xã Cẩm Sơn	21	Thôn Chăm Khon
		18	Xã Đèo Gia	22	Thôn Ruồng
19	Xã Tân Lập	23	Thôn Hòa Trong		
20	Xã Phú Nhuận	24	Thôn Khuôm		
III	HUYỆN LỤC NAM <i>(04 xã - 07 thôn/bản)</i>	21	Xã Lục Sơn	25	Thôn Đồng Vành 2
		22	Xã Bình Sơn	26	Thôn Suối Mản
				27	Thôn Đá Húc
		23	Xã Trường Sơn	28	Thôn Khe Sâu
				29	Bản Vua Bà
24	Xã Vô Tranh	30	Thôn Đồng Mận		
IV	HUYỆN YÊN THẾ <i>(05 xã - 05 thôn/bản)</i>	25	Xã Tiến Thắng	31	Thôn Bắc Máng
		26	Xã Đồng Hưu	32	Thôn Đồng Cờ
		27	Xã Canh Nậu	33	Thôn Trại Mới
		28	Xã Đồng Vương	34	Bản Nà Táng
		29	Xã Đồng Tiến	35	Bản Trại Mía
			36	Bản Đồng An	

Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2018

"Dự thảo"

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ chương trình công tác năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Chương trình công tác của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Những căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.
- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020;
- Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVII, kỳ họp thứ 14;
- Chương trình công tác năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang;

2. Căn cứ thực tiễn

Sau 03 năm (2016 - 2018) thực hiện Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVII, kỳ họp thứ 14

và các chương trình, chính sách đối với 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, đã góp phần cải thiện, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, dân sinh..., giúp chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội góp phần giảm nghèo, cải thiện đời sống người dân các thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất của tỉnh.

Tuy nhiên, qua rà soát 62 thôn/bản ĐBKK có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% có 36 thôn/bản khó khăn nhất (*gồm 10 thôn/bản được đầu tư giai đoạn 2016 - 2018 và 26 thôn/bản ĐBKK mới*); cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại rất khó khăn (*từ thôn/bản ra trung tâm xã 5-10km, cách trung tâm huyện từ 20-30km*), chủ yếu là đường đất, nhỏ hẹp, gồ ghề, trơn trượt, thường xuyên sạt lở và cách trở, đi lại khó khăn trong mùa mưa; trong khu vực còn 85 điểm chưa có ngầm hoặc cầu bắc qua; kết cấu hạ tầng cơ sở về thủy lợi yếu kém, nhiều hạng mục công trình thủy lợi đã xuống cấp, hỏng hóc, hiệu suất sử dụng thấp; diện tích canh tác chưa được tưới tiêu chủ động còn lớn, chiếm 64,94%. Đây là những thôn (bản) có nhu cầu cấp bách xây dựng ngầm dân sinh, đường tránh lũ và nhu cầu xây dựng, sửa chữa hồ, đập trữ nước phục vụ sản xuất.

Để trợ giúp 36 thôn/bản ĐBKK này, ngoài các chương trình, chính sách của TW, sự nỗ lực cố gắng của người dân, rất cần sự quan tâm đầu tư của tỉnh, nhằm trợ giúp các thôn cải thiện, khắc phục những khó khăn, bất cập nhất hiện nay về giao thông và thủy lợi. Do đó, việc đề xuất sửa đổi, bổ sung tiếp tục thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2019-2021 là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nhằm ban hành một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào khu vực; xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống; tạo sự chuyển biến mạnh trong công tác giảm nghèo nhanh, bền vững; sớm đưa thôn/bản thoát nghèo, chậm phát triển, thu hẹp dần khoảng cách với các vùng khác của tỉnh; tăng cường khối đoàn kết các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Việc xây dựng nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với nguồn lực, điều kiện thực tế của địa phương. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính cụ thể nhằm bố trí, huy động, sử dụng các nguồn lực hỗ trợ cho 36 thôn/bản ĐBKK nhất trong giai đoạn 2019 - 2021.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh: Sửa đổi, bổ sung quy định chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021.

2. Đối tượng áp dụng: 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2021.

3. Thời gian áp dụng: Nghị quyết ban hành được áp dụng từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2021.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu

Nhằm kéo dài thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021.

2. Nội dung chính sách

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14, quy định chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 – 2018, như sau:

1- Đối tượng hỗ trợ: 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2021.

(Có danh sách kèm theo)

2- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng các công trình giao thông (ngầm, đường tránh lũ, đường tránh sạt lở, trơn trượt), công trình thủy lợi (hồ, đập, trạm bơm).

3- Kinh phí hỗ trợ: 54 tỷ đồng từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh.

- Định mức phân bổ: 18 tỷ đồng/năm;

- Mức hỗ trợ: 1,5 tỷ đồng/thôn, bản (03 năm).

4- Thời gian hỗ trợ: Từ 01/01/2019 đến 31/12/2021.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh, được bố trí, phân bổ hàng năm theo định mức quy định tại Nghị quyết ban hành.

4. Giải pháp thực hiện chính sách

Sau khi Nghị quyết sửa đổi được thông qua, UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang, về việc phê duyệt Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và giảm nghèo bền vững đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020, để thực hiện trong giai đoạn 2019-2021.

Giao Sở Tài chính cân đối, bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện sau khi Nghị quyết sửa đổi được thông qua, kiểm tra, hướng dẫn thanh quyết toán nguồn vốn.

Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, theo dõi, kiểm soát việc phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ bảo đảm đúng mục tiêu đề ra.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

- Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho 36 thôn/bản trong giai đoạn 2019 - 2021 là: 54 tỷ đồng;

- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII thông qua dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp thứ 5, tháng 7/2018.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.
- * Bản điện tử
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng VXXG - VPUBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ánh Dương

DANH SÁCH 36 THÔN BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NHẤT TỈNH
ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC HỖ TRỢ, ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2019-2021

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr- UBND ngày / /2018
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

TT	Huyện	Xã		Thôn, bản	
		TT	Tên xã	TT	Tên thôn/bản
I	HUYỆN SON ĐỘNG (12 xã - 14 thôn/bản)	1	Xã Phúc Thắng	1	Thôn Đồng Mương
		2	Xã Giáo Liêm	2	Thôn Rèm
		3	Xã Dương Hưu	3	Bản Mùng
		4	Xã Cẩm Đàn	4	Thôn Đồng Làng
		5	Xã An Lạc	5	Thôn Rộc Nảy
		6	Xã Vĩnh Khương	6	Thôn Biêng
		7	Xã Tuấn Mậu	7	Thôn Thác
		8	Xã Bông Am	8	Thôn Luông
		9	Xã Hữu Sản	9	Thôn Thanh Chung
		10	Xã An Bá	10	Thôn Nam Bông
		11	Xã Thanh Luận	11	Thôn Dân 3
		12	Xã Chiên Sơn	12	Thôn Đồng Tàn
II	HUYỆN LỤC NGẠN (08 xã - 10 thôn)	13	Xã Sa Lý	13	Thôn Gà
		14	Xã Tân Sơn	14	Thôn Đông Bang
		15	Xã Sơn Hải	15	Thôn Rặng Ngoài
		16	Xã Phong Vân	16	Thôn Khuôn Tô
		17	Xã Cẩm Sơn	17	Thôn Khuôn Kén
		18	Xã Đèo Gia	18	Thôn Đồng Mậm
		19	Xã Tân Lập	19	Thôn Cỏ Vài
		20	Xã Phú Nhuận	20	Thôn Chả
III	HUYỆN LỤC NAM (04 xã - 07 thôn/bản)	21	Xã Lục Sơn	21	Thôn Chăm Khon
		22	Xã Bình Sơn	22	Thôn Ruồng
		23	Xã Trường Sơn	23	Thôn Hòa Trong
		24	Xã Vô Tranh	24	Thôn Khuôm
IV	HUYỆN YÊN THẾ (05 xã - 05 thôn/bản)	25	Xã Tiên Thắng	25	Thôn Đông Vành 2
		26	Xã Đồng Hưu	26	Thôn Suối Mản
		27	Xã Canh Nậu	27	Thôn Đá Húc
		28	Xã Đồng Vương	28	Thôn Khe Sâu
		29	Xã Đồng Tiến	29	Bản Vua Bà
				30	Thôn Đồng Mậm
				31	Thôn Bắc Máng
				32	Thôn Đồng Cờ
				33	Thôn Trại Mới
				34	Bản Nà Táng
				35	Bản Trại Mía
				36	Bản Đồng An